

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 01 - 2020

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 564/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp TĐ A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Hoàng M, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp TĐ A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Hoàng M tổ chức đám cưới vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Dương Mi N, sinh năm 2000 và Dương Nhật D, sinh ngày 27/12/2014 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, My N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Nhật D chị yêu cầu được nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Dương Hoàng M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời trình bày của chị H về thời gian tổ chức đám cưới, việc không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh xác định lời trình bày của chị H là đúng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nhật D cho chị H nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung anh Dương Hoàng M là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị H, anh M yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị H, anh M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1997, chị H và anh M chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết, chị H và anh M thỏa thuận, sau khi ly hôn cháu Mi N đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Nhật D thì anh M đồng ý giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Xét thấy: Việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và sự thỏa thuận này phù hợp với lợi ích của cháu Nhật D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Mi N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị H, anh M xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, còn nợ thì không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thanh H với anh Dương Hoàng M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Dương Nhật D, sinh ngày 27/12/2014 cho chị Nguyễn Thanh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Dương Hoàng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010066 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh chị Nguyễn Thanh H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh